

Số: 388/BVĐHYD-CS2.KD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025

V/v mời chào giá

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Cơ sở 2 năm 2025 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Cơ sở 2 năm 2025 (lần 2) (các thuốc đang trúng thầu tại các gói thầu đầu thầu rộng rãi thuộc dự toán mua sắm cung cấp thuốc năm 2025 lần 1 của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và gói thầu thuốc Generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương năm 2025 – 2026 đợt 1 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh);
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 14/01/2027;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng;
7. Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện;
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: **trước 16 giờ, ngày 05/9/2025;**
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online (*file scan bản có chữ ký, đóng mộc và file excel danh mục chi tiết*) qua mail: nhathuocbvdyhdc2@umc.edu.vn;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Văn phòng khoa Dược, Tầng trệt, Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – Cơ sở 2, 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Người liên hệ: DS. Nguyễn Quang Trường, DS. Phạm Nhị Hà Linh
 - Số điện thoại: 028.6261.0328



10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá, bảng chào giá của nhà cung cấp (có ký tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu) (nhà cung cấp tách riêng bảng chào giá với bộ hồ sơ còn lại; file excel gửi qua email phải thống nhất với bản cứng).

- Bộ hồ sơ thông tin nhà cung cấp gồm:

+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà cung cấp (giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, GDP còn hiệu lực).

- Bộ hồ sơ thông tin sản phẩm gồm:

+ Thông báo trúng thầu/ Quyết định trúng thầu/ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (bắt buộc);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác);

+ Đối với thuốc kê đơn: Cung cấp tài liệu về giá bán buôn thuốc dự kiến của thuốc chào giá; đơn giá không vượt giá bán buôn thuốc dự kiến còn hiệu lực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý đấu thầu;
- Lưu: VT, CS2.KD (B16-018-2 - nqtruong) (1)

TUQ. GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG CƠ SỞ 2

**BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CƠ SỞ 2

HÀ MẠNH TUẤN

PHỤ LỤC DANH MỤC YÊU CẦU

(Đính kèm Công văn số 388../BVĐHYD-CS2.KD ngày 21... tháng 08 năm 2025)

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
1	Acid tranexamic 500mg	Acid tranexamic	500mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
2	Aclasta	Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 mg acid zoledronic monohydrate) 5mg	5mg/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch 5mg/100ml	CSSX và đóng gói sơ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH; CSXX và đóng gói thứ cấp: Lek Pharmaceuticals d.d.	CSSX: Áo; Xuất xưởng: Slovenia	Hộp 1 chai 100ml	Chai	BDG	
3	Aerius	Desloratadine	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Organon Heist bv	Bi	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	
4	Agiclovir 400	Aciclovir	400mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4	
5	Agifamcin 300	Rifampicin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	3	
6	Agi-Vitac	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
7	Amitriptylin 10mg	Amitriptylin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 500 viên	Viên	2	
8	Amitriptylin 25mg	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	2	
9	Arimidex	Anastrozole	1mg	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói: Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	BDG	
10	Aspirin 81	Acid acetylsalicylic	81mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên	4	

cel

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
11	Atorvastatin 10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	10mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	
12	Atorvastatin 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	20mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	
13	Azarga	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	1	
14	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi, 6 vi, 10 vi x 10 viên	Viên	4	
15	Baburex	Bambuterol hydroclorid	10mg	Uống	viên nén	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vi x 10 viên	viên	2	
16	Baburol	Bambuterol hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4	
17	Berlthyrox 100	Levothyroxine sodium	100mcg	Uống	Viên nén	Berlin Chemie AG	Đức	Hộp 4 vi x 25 viên nén	Viên	1	
18	Berodual	Ipratropium bromide khan + Fenoterol hydrobromide	250mcg/ml + 500mcg/ml	Khí dung	Dung dịch khí dung	Istituto de Angeli S.R.L	Italy	Hộp 1 lọ 20ml	Lọ	2	
19	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kl/tt	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Hộp 1 chai 125ml	Chai	1	
20	Betadine Gargle and Mouthwash	Povidone Iodine	1% (w/v)	Súc họng và miệng	Dung dịch súc họng và súc miệng	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Hộp 1 chai 125ml	Chai	1	
21	Betadine Vaginal Douche	Povidon iod	10% (kl/tt)	Dùng ngoài	Dung dịch sát trùng âm đạo	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Hộp 1 chai 125ml	Chai	1	
22	Betahistin	Betahistine dihydrochloride	16mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 25 viên	Viên	4	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
23	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Bromfenac natri hydrat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	BDG	
24	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên nén bao đường	Delpharm Reims	Pháp	Hộp 5 vi x 20 viên; 1 vi x 10 viên; 2 vi x 10 viên; 5 vi x 10 viên; 10 vi x 10 viên	Viên	BDG	
25	Buto-Asma	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	100mcg/liều	Đường hô hấp	Khí dung đã chia liều	Laboratorio Aldo-Unión SL	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	Bình	1	
26	Carbamaz	Oxcarbazepin	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	4	
27	Carduran	Doxazosin (dưới dạng Doxazosin mesylate)	2mg	Uống	Viên nén	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	
28	Casodex	Bicalutamide	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Corden Pharma GmbH; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Đức; Nước đóng gói: Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	BDG	
29	Cellcept	Mycophenolate mofetil	250mg	Uống	Viên nang cứng	CSSX, CSDG: Delpharm Milano S.r.l; Xuất xưởng: F. Hoffmann – La Roche AG	CSSX, CSGD: Ý; CSXX: Thụy Sĩ	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	BDG	
30	Cetirizin 10 mg	Cetirizin dihydroclorid	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	2	
31	Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramine maleat	4mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	
32	Co-Diovan 160/25	Valsartan, Hydrochlorothiazide	160mg + 25mg	Uống	Viên nén bao phim	Novartis Farma S.p.A.	Ý	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	BDG	
33	Colchicin	Colchicin	1mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
34	Colchicin 1mg	Colchicin	1 mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 vi x 20 viên	Viên	2	
35	Combigan	Brimonidine tartrate + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	2mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	BDG	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
36	Combivent	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	0,500mg + 2,500mg	Khí dung	Dung dịch khí dung	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Lọ	BDG	
37	Cordamil 40 mg	Verapamil hydrochloride	40mg	Uống	Viên nén bao phim	S.C. AC Helcor S.R.L	Romania	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1	
38	Coveram 10mg/10mg	Perindopril arginine 10mg (tương ứng 6,79mg perindopril); Amlodipine (dưới dạng amlodipin besilate) 10mg	10mg; 10mg	Uống	Viên nén	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	1	
39	Coveram 10mg/5mg	Perindopril arginine 10mg (tương đương 6,79mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	10mg; 5mg	Uống	Viên nén	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	1	
40	Coveram 5mg/10mg	Perindopril arginine 5mg; (tương ứng 3,395mg perindopril); Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10mg	5mg; 10mg	Uống	Viên nén	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	1	
41	Coversyl 10mg	Perindopril arginine (tương ứng với 6,790 mg perindopril)/10 mg	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	BDG	
42	Coversyl 5mg	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	BDG	
43	CÔN BORIC 3%	Acid boric	300mg/10ml	Dùng ngoài	Dung dịch nhỏ tai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	Chai	4	
44	Cravit	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	
45	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	
46	Daivobet	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrate 52,2mcg) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat 0,643mg)	50mcg/g + 0,5mg/g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	LEO Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	1	
47	Daivonex	Calcipotriol	50mcg/g	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	LEO Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 tuýp 30g	Tuýp	BDG	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
48	Danapha-Rabe	Rabeprazol natri (dưới dạng rabeprazol natri hydrat)	10mg	Uống	Viên bao tan trong ruột	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2	
49	Danapha-Trihex 2	Trihexyphenidyl hydroclorid	2 mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Viên	2	
50	Depo-Medrol	Mỗi ml chứa: Methylprednisolon acetat	40mg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Belgium	Hộp 1 lọ 1ml	Lọ	BDG	
51	Desloratadine/ Geneparm	Desloratadin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Geneparm S.A.	Greece	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	1	
52	Devastin 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4	
53	Devastin 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4	
54	Dexchlorpheniramin Blue	Dexchlorpheniramine maleate	2mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	
55	Diffucan	Fluconazole	150mg	Uống	Viên nang cứng	Fareva Amboise	Pháp	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	BDG	
56	Digorich	Digoxin	0.25mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Hộp 01 vỉ x 30 viên	Viên	4	
57	Digoxin-BFS	Digoxin	0.25mg/ml x 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 lọ 1ml	Lọ	4	
58	Dimenhydrinat	Dimenhydrinate	50mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4	
59	Diquas	Natri diquafosol	150mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 Lọ x 5ml	Lọ	1	
60	Domperidon	Domperidon (dưới dạng Domperidone maleate)	10mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	4	
61	Dorocardyl 40mg	Propranolol hydrochlorid	40mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Chai 100 viên	Viên	4	
62	Duphaston	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Viên	BDG	
63	Duspatalin retard	Mebeverin hydroclorid	200mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
64	Ebasvitae 10mg Orodispersable Tablets	Ebastin	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	SEID, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	1	
65	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Bột sủi bột để pha dung dịch uống	Uống	Upsa Sas	Pháp	Hộp 12 gói	Gói	1	
66	Efferalgan	Paracetamol	250mg	Bột sủi bột để pha dung dịch uống	Uống	UPSA SAS	Pháp	Hộp 12 gói	Gói	1	
67	Elitan 10mg/2ml	Metoclopramid	10mg/2ml	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Dung dịch	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Ống	1	
68	Elthon 50mg	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Katsuyama Pharmaceuticals K.K., Katsuyama Plant.	Nhật	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	
69	Emla	Lidocain; Prilocain	Mỗi tuýp 5g kem chứa: Lidocain 125mg; Prilocain 125mg	Bôi ngoài da	Kem bôi	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 5 tuýp 5g	Tuýp	BDG	
70	Eperison 50	Eperison hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 100 viên	Viên	4	
71	Esomeprazol 20mg	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4	
72	Esomeprazol 40mg	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium pellets (dưới dạng esomeprazole magnesium trihydrate) 22,5%)	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	4	
73	Ethambutol 400mg	Ethambutol hydroclorid	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt nam	Hộp 10 vỉ x 12 viên	Viên	3	
74	Fleet Enema	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	19g + 7g/118ml, 133ml	Thụt trực tràng/hậu môn	Dung dịch thụt trực tràng	C.B. Fleet Company Inc.	Hoa Kỳ	Hộp 1 chai 133ml	Chai	1	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
75	Flixotide Evohaler	Fluticasone propionate	125mcg/ liều xịt	Xịt qua đường miệng	Thuốc xịt dạng phun mù định liều (dùng để hít qua đường miệng)	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Bình xịt	1	
76	Flumetholon 0,1	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. – Nhà máy Shiga	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	
77	Flunarizine	Flunarizine (dưới dạng Flunarizine dihydrochloride)	5mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	
78	Fluomizin	Dequalinium chloride	10mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	CSSX và ĐG: Rottendorf Pharma GmbH; CSXX: Medinova AG	CSSX và ĐG: Đức; CSXX: Switzerland	Hộp 1 vỉ x 6 viên	Viên	1	
79	Fluoxetin Cap DWP 10mg	Fluoxetin	10mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4	
80	Fluxar	Fluconazol	200mg	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 1 Chai x 100ml	Chai	5	
81	Fucicort	Fusidic acid + Betamethason (dưới dạng valerat)	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem	LEO Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	1	
82	Fucidin	Acid Fusidic	2% (w/w)	Dùng ngoài	Kem	Leo Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	BDG	
83	Fucidin H	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	20mg/g + 10mg/g	Dùng ngoài	Kem	LEO Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	1	
84	Fuxofen 20	Fluoxetin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2	
85	Galvus Met 50mg/500mg	Metformin Hydrochloride, Vildagliptin	500mg, 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d., Poslovna enota PROIZVODNJA LENDAVA	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Slovenia	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	1	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
86	Glyxambi	Empagliflozin + Linagliptin	25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1	
87	Glyxambi	Empagliflozin + Linagliptin	10mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1	
88	Goliot	Cao khô từ lá Ginkgo biloba	120mg	Uống	Viên nang cứng	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ x 10 viên	Viên	1	
89	Golistin-enema	Monobasic Natri phosphat + Dibasic Natri phosphat	19g + 7g/118ml, 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 1 lọ 133ml	Lọ	4	
90	Goutcolcin	Colchicin	0,6mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	4	
91	Hagizin	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin hydroclorid)	5mg	Uống	viên nang cứng	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	2	
92	Hania	Donepezil hydrochlorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Help S.A.	Hy Lạp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1	
93	Huether-25	Topiramate	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4	
94	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Insulin lispro (trong đó 50% là dung dịch insulin lispro và 50% là hỗn dịch insulin lispro protamine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France	Pháp	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	BDG	
95	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Insulin lispro (trong đó 25% là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lilly France	Pháp	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	BDG	
96	Hydrocolacyl	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nén dài	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	Viên	4	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
97	Ifatrax	Itraconazol (dưới dạng vi hạt chứa Itraconazol 22% kl/kl)	100mg	Uống	Viên nang cứng	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi, 3 vi, 4 vi x 4 viên, 3 vi x 10 viên	Viên	4	
98	Indocollyre	Indomethacin	0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Laboratoire Chauvin	Pháp	Hộp/ 1 lọ 5ml	Lọ	1	
99	Isoptin	Verapamil	5mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Famar Health care Services Madrid S.A.U	Tây Ban Nha	Hộp 5 lọ x 2ml	Lọ	5	
100	Itraconazole 100 mg hard capsules	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang cứng	Laboratorios Liconsa, S.A.	Spain	Hộp 4 vi x 7 viên; Hộp 5 vi x 6 viên	Viên	1	
101	Janumet 50mg/500mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	50mg, 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Patheon Puerto Rico, Inc.; đóng gói tại Merck Sharp & Dohme B.V.	CSSX: Puerto Rico, đóng gói: Hà Lan	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên	BDG	
102	Janumet XR 100mg/1000mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 100mg, Metformin HCl 1000mg	100mg/1000mg	Uống	viên nén bao phim giải phóng chậm	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC ; đóng gói tại Merck Sharp & Dohme B.V.	CSSX: Puerto Rico-US, đóng gói: Hà Lan	Lọ 14 viên, Lọ 28 viên	Viên	1	
103	Jardiance Duo	Empagliflozin + Metformin hydroclorid	12,5mg + 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
104	Jardiance Duo	Empagliflozin + Metformin hydroclorid	12,5mg + 850mg	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
105	Jardiance Duo	Empagliflozin + Metformin hydroclorid	5mg + 1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
106	Kaflovo	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 05 viên	Viên	3	
107	Kalira	Calcium Polystyren sulfonat	5g	Uống	Bột pha hỗn dịch	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g	Gói	4	
108	Kamedazol	Furosemide, Spironolactone	20mg, 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
109	Kary Uni	Pirenixin	0,25mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	BDG	
110	LETRAM-250	Levetiracetam	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	2	
111	LSP-Linezolid	Linezolid	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
112	Magnesi - B6	Magnesium lactat dihydrat; Pyridoxin HCl	470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	2	
113	Magnesi-B6	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
114	Magnesi-B6 Stella Tablet	Magnesium lactate dihydrat (Tương đương 48 mg Mg2+) + Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6)	470mg + 5mg	Uống	viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	2	
115	Medovent 30mg	Ambroxol HCl	30mg	Uống	Viên nén	Medochemie Ltd. - Central Factory	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	1	
116	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	BDG	
117	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	BDG	
118	Meko INH 150	Isoniazid	150mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai x 100 viên	Viên	4	
119	Meko INH 300	Isoniazid	300mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai x 100 viên	Viên	4	
120	Micardis	Telmisartan	40mg	Uống	Viên nén	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	BDG	
121	Micardis	Telmisartan	80mg	Uống	Viên nén	Boehringer Ingelheim Hellas Single Member S.A.	Hy Lạp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	BDG	
122	Mifepristone 200	Mifepriston	200mg	Uống	Viên nén	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi x 1 viên	Viên	4	
123	Mifetone 200mcg	Misoprostol phân tán trong HPMC 2910 (Tỷ lệ: 1: 100) Tương đương với 200mcg Misoprostol) 20mg	200mcg	Viên nén	Uống	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên nén	Viên	4	
124	Miko-Penotran	Miconazol nitrate	1200mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Exeltis Ilac San.ve tic.A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 vi x 1 viên	Viên	2	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
125	Minirin	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	0,089mg (0,1mg)	Uống	Viên nén	Ferring International Center S.A.	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 30 viên	Viên	BDG	
126	Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg	Desmopressin (dưới dạng desmopressin acetate)	60mcg (67mcg)	Uống	Viên đông khô đường uống	CSSX và ĐG sơ cấp: Catalent U.K. Swindon Zydis Limited; CSDG thứ cấp và xuất xưởng: Ferring International Center SA	Anh	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
127	Mirena	Levonorgestrel	52mg	Đặt tử cung	Hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung	Bayer OY	Phân Lan	Hộp 1 hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung	Dụng cụ	1	
128	Modom's	Domperidon (dưới dạng Domperidon maleat)	10mg	Uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 10 vi x 10 viên	viên	2	
129	MOXIFLOXACIN (AS HYDROCHLORIDE) 400MG	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochloride)	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 vi x 5 viên	Viên	2	
130	MUPRICON OINTMENT	Mỗi 5 gam chứa Mupirocin 0,1g	2%, 5g	Bôi ngoài da	Thuốc mỡ	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 tuýp x 5g	Tuýp	5	
131	Mydrin-P	Tropicamid + Phenylephrin hydroclorid	50mg/10ml + 50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	1	
132	NATRI CLORID 0,9%	Natri Clorid	0,9g/100ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	Chai	4	
133	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%; 10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mũi	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 lọ x 10ml	Lọ	4	
134	Natrilix SR	Indapamide	1,5mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	BDG	
135	Nebicard-2.5	Nebivolol (Dưới dạng Nebivolol Hydrochloride)	2,5mg	Uống	Viên nén	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	2	
136	Neo-Tergynan	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65.000 IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Sophartex	Pháp	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	1	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
137	Nexipraz 40	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 05 vi x 07 viên	Viên	3	
138	Nexium	Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm/Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 1 lọ bột pha tiêm 5ml	Lọ	BDG	
139	Nitromint	Chai 10g chứa: Glyceryl trinitrate (dưới dạng dung dịch 1% trong cồn)	0,08g	Phun mũi	Thuốc phun mũi	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Hộp 1 chai x 10g	Chai	1	
140	Novorapid FlexPen	Insulin aspart (rDNA)	300U/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	1	
141	NYSTATIN 25000 IU	Nystatin	25.000IU	Bột đánh tưa lưỡi	Thuốc bột rã miệng	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 20 gói x 1gam	Gói	4	
142	Octocaine 100	Lidocain hydroclorid + Epinephrin (dưới dạng Epinephrin bitatrat)	(36mg + 0,018mg)/1,8ml	Tiêm	Dung dịch tiêm gây tê nha khoa	Novocol Pharmaceutical of Canada, Inc	Canada	Hộp 50 ống/1,8ml	Ống	1	
143	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Hộp 1 tuýp x 3,5g	Tuýp	1	
144	Olanxol	Olanzapin	10 mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	3	
145	Ondanov 8mg Injection	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat)	8mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống 4ml	Ống	2	
146	Orgametril	Lynestrenol	5mg	Uống	Viên nén	N.V. Organon	Hà Lan	Hộp 1 vi x 30 viên	Viên	5	
147	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	BDG	
148	Parokey-30	Paroxetine	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	2	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
149	Pentasa	Mesalazine	500mg	Uống	Viên nén phồng thích chậm	Ferring International Center SA	Thụy Sĩ	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	1	
150	Perfectrip	Dimenhydrinat	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	2	
151	PeriSaVi 5	Perindopril arginin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	2	
152	Permixon 160mg	Phần chiết lipid-sterol của cây Sesuvium repens	160mg	Uống	Viên nang cứng	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Hộp 4 vi x 15 viên	Viên	1	
153	Pragmiak 10mg	Prasugrel	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Portugal	Hộp 1 vi x 14 viên; Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	1	
154	Pred Forte	Prednisolon acetat	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Hộp 1 chai 5ml	Chai	1	
155	Progesterone 100mg	Progesteron	100mg	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Hộp 2 vi x 15 viên	Viên	1	
156	Progesterone 200mg	Progesteron	200mg	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Hộp 1 vi x 15 viên	Viên	1	
157	Propess	Dinoprostone	10mg	Đặt âm đạo	Hệ phân phối thuốc đặt âm đạo	Ferring Controlled Therapeutics Limited	Anh	Hộp 1 túi x 1 hệ phân phối thuốc đặt âm đạo	Túi	1	
158	Pyrazinamide 500mg	Pyrazinamide	500mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
159	Phenytoin 100 mg	Phenytoin	100 mg	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 100 viên	Viên	4	
160	Queitoz-50	Quetiapin	50mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	2	
161	Rabeprazol 20mg	Rabeprazol natri	20mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
162	Risperdal	Risperidone	2mg	Uống	viên nén bao phim	Janssen - Cilag S.p.A.	Ý	Hộp 6 vi x 10 viên nén bao phim	Viên	BDG	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
163	Ritaxim-550	Rifaximin	550mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	5	
164	Rotundin 60	Rotundin	60mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
165	Rupatadine STELLA 10 mg	Rupatadin	10mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên		
166	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 Lọ x 5ml	Lọ	1	
167	SaVi Albendazol 200	Albendazol	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 1 vi x 2 viên	Viên	2	
168	SaVi Pantoprazole 40	Pantoprazol	40mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên	3	
169	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	50mcg/ 250mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	GlaxoSmithKline LLC	Mỹ	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	Hộp (1 bình hít)	BDG	
170	Seretide Accuhaler 50/500mcg	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg ; Fluticasone propionate 500mcg	50mcg/ 500mcg	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	GlaxoSmithKline LLC	Mỹ	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	Hộp (1 bình hít)	BDG	
171	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	25mcg + 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Bình xịt	1	
172	Spiolto Respimat	Tiotropium (dưới dạng tiotropium bromide monohydrate) + Olodaterol (dưới dạng olodaterol hydrochloride)	2,5mcg/nhất xịt + 2,5mcg/nhất xịt	Hít	Dung dịch để hít	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt	Hộp	1	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
173	Spiriva Respimat	Tiotropium	0,0025mg/nhát xịt	Dạng hít	Dung dịch để hít	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	Hộp	1	
174	Stadnex 20 CAP	Esomeprazole (dưới dạng esomeprazole (magnesium dihydrate) pellets 22%)	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 10 vi x 7 viên	Viên	3	
175	Stresam	Etifoxin hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nang cứng	Biocodex	Pháp	Hộp 3 vi x 20 viên	Viên	1	
176	Systane	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	4mg/ml + 3mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt vô khuẩn	Alcon Research LLC	Mỹ	Hộp 1 chai 15ml	Chai	1	
177	Systane Ultra	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	0,4% + 0,3%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Alcon Research, LLC	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	1	
178	Tacrocord 0.5	Tacrolimus	0.5mg	Uống	Viên nang cứng	Concord Biotech Limited	Ấn Độ	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	2	
179	TACROLIMUS SANDOZ	Tacrolimus (dưới dạng tacrolimus monohydrat) 0.5mg	0.5mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d.; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 1 gói x 5 vi x 10 viên	Viên	1	
180	Tanganil 500mg	Acetyllecine	500mg	Viên nén	Uống	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
181	Tardyferon B9	Acid folic (dạng khan) + Sắt (dưới dạng sắt (II) sulfat được làm khô)	0,35mg + 50mg (154,53mg)	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	1	
182	Telmisartan	Telmisartan	40mg	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
183	TETRACAIN 0,5%	Tetracain hydroclorid	50mg/10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1 chai 10ml	Chai	4	
184	Tetracyclin	Tetracyclin hydroclorid	500mg	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
185	Timolol 0,5%	Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 01 lọ 5ml	Lọ	4	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
186	Tinidazol	Tinidazol	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
187	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/1ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	s.a. Alcon-Couvreur N.V	Bi	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	
188	Tobrex	Tobramycin	3mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bi	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	BDG	
189	Tolura 80	Telmisartan	80mg	Uống	Viên nén	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên	1	
190	Topamax	Topiramate	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	BDG	
191	Topamax	Topiramate	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	BDG	
192	Torpezil 10	Donepezil hydrochloride	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	2	
193	Tunadimet	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4	
194	Turbe	Rifampicin + Isoniazid	150mg + 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Hộp 3 vi x 12 viên	Viên	3	
195	Turbezid	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	150mg + 75mg + 400mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Hộp 3 vi x 12 viên	Viên	3	
196	Thysedow 10 mg	Thiamazole	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4	
197	Tresiba® Flextouch® 100U/ml	Insulin degludec	10,98mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	BDG	
198	Uritast	Febuxostat	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	4	
199	Vadikiddy	Miconazole	2%	Dùng ngoài	Gel rơ miệng họng	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	5	

STT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm	Ghi chú
200	Vavir	Valganciclovir	450mg	Uống	Viên nén bao phim	Công Ty Cổ Phần Dược và Vật Tư Y Tế Bình Thuận	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4	
201	Vinmotop	Nimodipin	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4	
202	Vitamin B6	Pyridoxine hydrochloride	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	4	
203	Vitamin PP	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 200 viên	Viên	4	
204	Xamiol	Calcipotriol (dưới dạng calcipotriol monohydrat) + Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat)	50mcg/g + 0,5mg/g	Dùng ngoài	Gel bôi da	LEO Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 lọ 15g	Lọ	1	
205	Xarelto	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Bayer AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	
206	Xarelto	Rivaroxaban	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Bayer AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Viên	BDG	
207	Zoltonar	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid Zoledronic anhydrous (dưới dạng Zoledronic acid monohydrat)	5mg/100ml	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Idol Ilac Dolum Sanayii Ve Ticaret A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 chai 100ml	Chai	2	

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
MÃ SỐ THUẾ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 2
Địa chỉ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-.... ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện về việc mời chào giá Cung cấp thuốc tại Nhà thuốc Cơ sở 2 năm 2025 (lần 2) Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT theo TB chào giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	SDK/ GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Đơn giá có VAT (VND)	Thuốc kê đơn (X)	Giá bán buôn dự kiến (VND)	Nhóm	THÔNG TIN TRÚNG THẦU				Ghi chú
																Chủ đầu tư	Số E-TBMT	Số quyết định - ngày QĐ	Đơn giá trúng thầu (VND)	

- Yêu cầu báo giá
+ Báo giá này có hiệu lực tháng kể từ ngày ký
+ Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
+ Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)